TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
"V/v: *Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 365/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/8/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Danh Long H, sinh năm 1985. Có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: ấp HL, xã TQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

2 Bị đơn: Chị Thị C, sinh năm 1987. Vắng mặt
Địa chỉ: ấp HL, xã TQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng: Bà Thị Kim Ph, sinh năm 1960. Có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: ấp HL, xã TQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Danh Long H trình bày*: Vào năm 2002 giữa anh và chị Thị C có tự quen biết với nhau và tiến tới chung sống với nhau, sau khi chị C mang thai thì anh chị mới tiến hành tổ chức làm đám cưới, hôn nhân do anh chị tự nguyện và được cha mẹ hai bên đồng ý; anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Quản, theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 26/6/2007. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khoảng năm 2013 - 2014 thì xảy ra mâu thuẫn và cải nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C thấy hoàn cảnh gia đình bên nhà anh khó khăn, thiếu thốn nên tự ý bỏ đi và theo anh biết thì hiện nay chị C đã có quen người khác, từ tết nguyên đáng năm 2014 chị C đã bỏ cho đến nay không quay lại và từ đó anh và chị C đã sống ly thân với nhau. Nay, anh xét thấy không thể hàn gắn với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Thị C.

- Về con chung: Anh và chị C chung sống có 02 người con chung tên là Thị Mỹ H (giới tính nữ), sinh ngày 30/7/2003 và Danh Hữu P (giới tính nam), sinh ngày 01/8/2010, hiện nay cháu H đã trưởng thành, còn cháu P đang ở cùng với anh; Ly hôn anh H có nguyện được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, anh cam kết đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con của chị C theo pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh trình bày chung sống không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2022, người làm chứng bà Thị Kim Ph trình bày*: Vào năm 2003 gia đình bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán cho anh Danh Long H và chị Thị C; hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu và tự nguyện, được UBND xã Thới Quản cấp giấy kết hôn số 64 ngày 26/6/2007. Sau khi cưới thì anh H và chị C ra ở riêng; lúc đầu thì thấy chung sống có hạnh phúc và có được 02 con chung; đến khoảng năm 2013-2014 thì có phát sinh mâu thuẫn với nhau; khi cháu Thị Mỹ H vào học lớp 5 thì chị C bỏ đi và không quay về, thấy vậy bà mới đem hai cháu về nuôi, còn anh H hàng ngày đi làm mướn kiếm tiền nuôi con. Qua yêu cầu ly hôn của anh H thì bà cũng thống nhất và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị C, vì anh chị này đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình chung sống thì anh H và chị C không có tạo lập được tài sản gì và không có nợ nần với ai.

Đối với bị đơn chị C không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho chị C nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị C.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn chị Thị C đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho anh Danh Long H được ly hôn với chị Thị C; Về con chung: Đối với cháu Thị Mỹ H (giới tính nữ), sinh ngày 30/7/2003 đã trưởng thành. Giao con chung tên Danh Hữu P (giới tính nam), sinh ngày 01/8/2010 cho anh Danh Long H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận việc anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh Long H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Danh Long H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thị C được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Danh Long H là nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Thị C với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, chị C không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị C.

[2] Về hôn nhân: Anh Danh Long H và chị Thị C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Quản theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 26/6/2007, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, như vậy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Danh Long H được ly hôn với chị Thị C vì lý do vợ chồng có nhiều bất đồng ý kiến trong cuộc sống, sinh hoạt nên không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, chị C còn có quen người khác. Do có quá nhiều bất đồng nên anh H và chị C đã tự ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Đối với chị Thị C, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị Thị C đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H khai trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân anh thì không còn tình cảm gì với chị C và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị C. HĐXX thấy rằng, trước khi kết hôn anh chị không có tìm hiểu kỹ nên khi về sống chung một thời gian thì bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 người con chung tên là Thị Mỹ H (giới tính nữ), sinh ngày 30/7/2003 và Danh Hữu P (giới tính nam),

sinh ngày 01/8/2010, hiện nay cháu H đã trưởng thành, còn cháu P đang ở cùng với anh nên anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phước và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng chi phí nuôi con.

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu P đều sống cùng với anh H và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên việc anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh H, ghi nhận việc anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ anh H phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Long H được ly hôn với chị Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Danh Hữu P (giới tính nam), sinh ngày 01/8/2010 cho anh Danh Long H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ý kiến của anh Hải không yêu cầu chị Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thị C không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Anh Danh Long H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001682, ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Danh Long H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2023).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án

dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Thới Quản;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn